

**TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 9 - 2020

“*V/v Ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Công Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Truyền Bình

2. Ông Hoàng Minh Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Linh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**- Kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Thu Hiếu

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 10/2020/TB-TA ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ánh V - sinh năm 1988;

**- Bị đơn:** Ông Trần Công T - sinh năm 1985;

Cùng trú tại: 23 đường B, phường H, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2020 và các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ánh V trình bày: Bà và ông Trần Công T kết hôn với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống tại 144 đường Y, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đến năm 2018 thì chuyển về sống tại 23 đường B, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Cuộc sống sau hôn nhân hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, vợ chồng hay gây gổ nhau. Ông T sống thiếu trách nhiệm với con cái, thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo gia đình.

Nay bà V cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Công T.

Về con chung: Giữa bà và ông T Có 02 con chung là Trần K, sinh ngày 09/02/2016 và Trần Công K, sinh ngày 25/4/2019.

Ly hôn, bà V đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung và yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ/02 cháu.

Tại phiên tòa, sau khi nghe công khai ý kiến trình bày của bị đơn – Trần Công T, bà điều chỉnh lại yêu cầu về con chung như sau: Bà trực tiếp nuôi con chung Trần Công K, giao con chung Trần K cho ông Trần Công T trực tiếp nuôi dưỡng đồng thời ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Công K mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*\* Tại đơn trình ngày 15/5/2020 cũng như tại phiên hòa giải cùng ngày bị đơn – ông Trần Công T trình bày:* Ông thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị Ánh V về thời điểm và nơi đăng ký kết hôn. Ông cũng xác định từ năm 2017 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên theo ông mâu thuẫn chỉ là cãi vã chứ không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Bản thân ông còn yêu thương vợ con nên mong muốn được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Về con chung, ông xác định vợ chồng có hai con chung đúng như bà V trình bày; Về tài sản chung, ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung ông xác định không có.

Tại bản trình bày ngày 26/8/2020 gửi đến Tòa án, ông T vẫn không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên nếu bà V kiên quyết ly hôn thì đối với vấn đề con cái ông có ý kiến như sau: Về mức cấp dưỡng nuôi con, nếu Tòa án giao cả hai con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng thì ông chỉ đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/cháu. Ngoài ra ông cũng đề nghị Tòa án xem xét giao cháu Trần K cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Công K cho bà Nguyễn Thị Ánh V trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trần Công K mỗi tháng 2.000.000đ.

*\* Tại biên bản xác minh về quan hệ hôn nhân, địa phương nơi cư trú của vợ chồng ông T bà V thể hiện các nội dung về quan hệ hôn nhân, thời điểm đăng ký kết hôn con chung, phù hợp với lời khai của các bên đương sự. Địa phương xác nhận vợ chồng ông T, bà V có mâu thuẫn tuy nhiên không rõ nguyên nhân mâu thuẫn. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì địa phương không rõ.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, các bên đương sự đã được tiếp cận, công khai chứng cứ về vụ án và cũng đã có ý kiến trình bày của mình. Bị đơn Trần Công T đã được triệu tập hợp lệ nhưng đã vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ánh V và ông Trần Công T đã đến mức trầm trọng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần động viên, hòa giải để các bên về chung sống với nhau nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị

Tòa án giải quyết ly hôn. Bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng lại không tham gia các phiên tòa để Tòa án động viên, hòa giải, điều này thể hiện bị đơn không tha thiết níu kéo quan hệ hôn nhân. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh V, cho bà V được ly hôn với ông Trần Công T. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Trần K cho ông Trần Công T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Công K cho bà Nguyễn Thị Ánh V trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Trần Công K mỗi tháng 2.000.000đ. Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – ông Trần Công T cư trú tại 23 đường B, phường H, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, bị đơn cũng đã có văn bản phản hồi ý kiến của mình và tham gia một trong ba phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thị Ánh V và ông Trần Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng cãi vã nhau. Theo như bà Vân trình bày là do ông Tuấn sống thiếu trách nhiệm với gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã động viên, hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, chung sống với nhau. Tại phiên hòa giải ngày 15/5/2020 ông T cũng thừa nhận vợ chồng có cãi vã, bất đồng quan điểm. Tuy nhiên từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện, bà V vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Mặc dù tại văn bản trình bày cũng như nội dung tại biên bản hòa giải ngày 15/5/2020, ông T đều xác định vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn. Song các phiên hòa giải còn lại ông đều không tham gia. Tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Điều này thể hiện ông không còn tha thiết níu kéo quan hệ hôn nhân, không muốn hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T, bà V đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vân, cho bà được ly hôn với ông Tuấn như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Giữa bà V và ông T có 02 con chung là Trần K, sinh ngày 09/02/2016 và Trần Công K, sinh ngày 25/4/2019. Theo nguyện vọng bà V tại phiên tòa là muốn được trực tiếp nuôi cháu Trần Công K, giao cháu Trần K cho ông Trần Công T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Công K mỗi tháng 2.000.000đ. Nội dung này phù hợp với ý kiến trình bày của ông T tại đơn trình bày ngày 26/8/2020 và phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận tuyên giao con và buộc nghĩa vụ cấp dưỡng như trên.

Về thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Để đảm bảo nguyên tắc kịp thời đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong việc nuôi con, Hội đồng xét xử ấn định buộc ông Trần Công Tuấn có nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh V đối với ông Trần Công T

\* Xử:

**1. Về hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Ánh V được ly hôn với ông Trần Công T.

**2. Về con chung:** Giao cháu Trần K, sinh ngày 09/02/2016 cho ông Trần Công T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Công K, sinh ngày 25/4/2019 cho bà Nguyễn Thị Ánh V trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Công K mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm – 16/9/2020.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu cấp dưỡng có đơn yêu cầu cấp dưỡng, nếu người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng. Lãi suất phát

sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Ánh V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008904 ngày 28/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Bà V đã nộp đủ án phí).

Buộc ông Trần Công T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

**4. Về quyền kháng cáo:** Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Hải Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- UBND P. Hòa Cường Bắc, Q Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Đoàn Công Quốc**

